**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ........**

**Phụ lục 1**

**Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc năm 2021** (gồm 4 biểu mẫu)

**Phụ lục 1a: CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HỢP Ý KIẾN NHÂN DÂN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng phát hành Báo Đại đoàn kết của địa phương**  *(Số tờ/ngày)* | **Số lượng phát hành**  **Bản tin công tác Mặt trận tỉnh** | | **Kết quả tổ chức tuyên truyền Chỉ thị 05 của BCT, NQTW4 (khóa XII) của cả 2 cấp** | | **Kết quả tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân phản ánh đến cơ quan Đảng, Nhà nước của cấp tỉnh của cả 2 cấp** | | |
| Số lần phát hành/năm | Tổng số bản/năm | Số lần tổ chức | Tổng số lượt cán bộ, nhân dân tham gia | Tổng số báo cáo theo quý | Tổng số ý kiến | Số ý kiến, kiến nghị đã được giải quyết |
|  |  |  |  |  |  | |  |

**Phụ lục 1b: BIỂU THỐNG KẾ CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả xây dựng người có uy tín, thăm hỏi, tiếp xúc đồng bào dân tộc các cấp** | | | **Kết quả gặp mặt, tiếp xúc với người Việt Nam ở nước ngoài trong các dịp lễ, tết** | |
| Số lượng người có uy tín  *(ở cả 2 cấp)* | Số cuộc thăm hỏi, tiếp xúc  *(ở cả 2 cấp)* | Số lượt đồng bào dân tộc tham gia các cuộc thăm hỏi, tiếp xúc *(ở cả 2 cấp)* | Số cuộc gặp mặt  *(ở cả 2 cấp)* | Tổng số người tham gia tiếp xúc *(ở cả 2 cấp)* |
|  |  |  |  |  |

**Phụ lục 1c: CÔNG TÁC TÔN GIÁO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số cuộc tiếp xúc, đối thoại với lãnh đạo tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc** | | | **Số cuộc thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng... các tổ chức tôn giáo, các cá nhân tôn giáo tiêu biểu nhân các sự kiện lớn của tôn giáo, khi lãnh đạo tôn giáo qua đời** | | | **Số vụ việc, vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương có sự tham gia giải quyết của MTTQ Việt Nam** | | |
| Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Số cuộc | Số kiến nghị, đề xuất của Mặt trận | Số kiến nghị, đề xuất đã được giải quyết |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 1d: CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kết quả tôn giáo**  **tham gia ủng hộ phòng, chống Covid-19** | | **Kết quả các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường** | |
| Bằng tiền | Hàng hóa thiết bị quy ra tiền | Số cuộc tập huấn, hội nghị, hội thảo về bảo vệ môi trường | Số mô hình bảo vệ môi trường do tôn giáo xây dựng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ........**

**PHỤ LỤC 2**

**Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước năm 2021** *(gồm 6 biểu mẫu)*

**Phụ lục 2a: CUỘC VẬN ĐỘNG "TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH"**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sơ kết 5 năm thực hiện chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư** | | | **Sơ kết 5 năm thực hiện NQLT số 88/NQLT/CP- ĐCTUBTWMTTQVN** | | | **Sơ kết 5 năm thực hiện CVĐ** | | **Giám sát của MTTQVN về xây dựng nông thôn mới**  *(Ghi rõ số cuộc do MTTQ chủ trì, MTTQ phối hợp)* | | | | **MTTQVN tham gia phản biện về xây dựng nông thôn mới** | | | | | **Việc bố trí kinh phí thực hiện cuộc vận động theo Thông tư 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính** | | | | |
| *Có* | *Không* | *Có* | | *Không* | *Sơ kết bằng văn bản* | | *Tổ chức hội nghị sơ kết* | *Cấp tỉnh* | *Cấp huyện* | *Cấp xã* | ***Tổng số cuộc giám sát*** | | *Cấp tỉnh* | *Cấp huyện* | *Cấp xã* | ***Tổng số cuộc phản biện*** | | *Cấp tỉnh (mức kinh phí)* | *Cấp huyện*  *(mức kinh phí)* | *Cấp xã*  *(mức kinh phí)* | *Ban công tác Mặt trận (mức kinh phí)* |
|  |  |  | |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |

***\* Lưu ý:*** Đối với những huyện, thị, thành phố chưa được phê duyệt phí kinh phí thực hiện theo **Thông tư 121/2017/TT-BTC,** đề nghị nêu rõ lý do.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Phụ lục 2b: CUỘC VẬN ĐỘNG “NGƯỜI VIỆT NAM ƯU TIÊN DÙNG HÀNG VIỆT NAM”**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp** | **Văn bản tham mưu của BCĐ các cấp**  ***(Tên, số văn bản)*** | | | **Các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng cuộc vận động** | | **Tên các mô hình điển hình** | **Phối hợp tổ chức các hội chợ, phiên chợ, chuyến hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa**  *(số cuộc)* | **Phối hợp tổ chức hội nghị, tọa đàm, kết nối cung cầu**  *(số cuộc)* | **Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để triển khai CVĐ**  *(số liệu từng cấp)* | **Phối hợp tổ chức các cuộc kiểm tra, khảo sát việc thực hiện CVĐ, các hoạt động kiểm tra , kiểm soát thị trường**  *(số cuộc, nội dung kiểm tra, khảo sát)* | **Nội dung khác** |
| Cấp tỉnh, thành phố | Cấp huyện | Cấp xã (nếu có) | Tổng số cuộc của cả 2 cấp | Số người tham gia |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 2c: KẾT QUẢ VẬN ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG QUỸ “VÌ NGƯỜI NGHÈO”** *(Số liệu ước đến 31/12/2021)*

*Nội dung: Kết quả vận động Quỹ “Vì người nghèo” (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dư đầu kỳ** | **Quỹ địa phương vận động được** | | | | **Bằng hình thức khác quy ra tiền** | **Các tỉnh, TP khác chuyển về** | **Trung ương chuyển về** | **Cộng quỹ** |
| Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cộng quỹ 3 cấp |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5 = (2+3+4)* | *6* | *7* | *8* | *9= (1+5+6 +7+8)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Nội dung: Kết quả sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết** | | | | **Giúp phát triển  sản xuất** | | **Giúp khám, chữa bệnh** | | **Giúp học sinh học tập** | | **Hỗ trợ khác quy ra tiền** | **Tổng số tiền đã sử dụng** | **Tồn quỹ** |
| Xây mới | | Sửa chữa | |
| Số lượng  (căn) | Thành tiền | Số lượng  (căn) | Thành tiền | Số lượng (người) | Thành tiền | Số lượng (người) | Thành tiền | Số lượng (học sinh) | Thành tiền |
| *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* | *21 = (9-20)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Cột số 20= cột (10+12+14+16+18+19)*

**Phụ luc 2d: KẾT QUẢ VẬN ĐỘNG ỦNG HỘ BẰNG CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI** *(Số liệu ước đến 31/12/2021)****.***

*Nội dung: Kết quả vận động: (****Đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên, nội dung chương trình ASXH** | **Các nguồn ủng hộ** | | | |
| Do các Tập đoàn kinh tế, Doanh nghiệp Trung ương chuyển về | Do tổ chức Phi Chính phủ chuyển về | Do các nguồn khác (các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn) | Cộng các nguồn hỗ trợ |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5 = (2+3+4)* |
|  |  |  |  |  |

*Nội dung: Kết quả sử dụng (****đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hỗ trợ làm nhà (xây mới và sửa chữa)** | | **Hỗ trợ bằng các**  **công trình dân sinh**  (trung tâm y tế, trường học, làm đường... ) | | **Giúp phát triển  sản xuất** | | **Giúp khám, chữa bệnh** | | **Giúp học sinh**  **học tập** | | **Hỗ trợ khác** | | **Cộng**  **chi hỗ trợ** |
| Số lượng  (Căn) | Thành tiền | Số lượng  (công trình) | Thành tiền | Số lượng  (hộ) | Thành tiền | Số lượng  (người) | Thành tiền | Số lượng  (học sinh) | Thành tiền | Số lượng  (hộ) | Thành tiền |
| *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: 18 = ( 7+9+11+13+15+17)*

**Phụ lục 2e: KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ PHÂN BỔ, SỬ DỤNG TIỀN, HÀNG CỨU TRỢ** *(Số liệu ước đến 31/12/2021)****.***

*Nội dung: Tiếp nhận, phân bổ và sử dụng tiền* ***(đơn vị tính: triệu đồng****)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dư đầu kỳ** | **Tiếp nhận ở địa phương** | | | | **TW chuyển về** | **Tổng thu** | **Lũy kế thu** | **Phân bổ, sử dụng** | | | | **Tồn quỹ** | | | **Tổng tồn** |
| Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cộng quỹ 3 cấp |  |  |  | Tại địa phương | Chuyển cho các tỉnh khác | Chuyển về TW | Tổng chi | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(2+3+4)* | *6* | *7=(5+6)* | *8=(1+7)* | *9* | *10* | *11* | *12=(9+10+11)* | *13* | *14* | *15* |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Nội dung: Tiếp nhận, phân bổ và sử dụng hàng hóa* ***(đơn vị tính: ghi theo chủng loại mặt hàng hóa)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng** | **Tiếp nhận của địa phương** | **Các cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương khác chuyển về** | **Tổng số** | **Quy ra tiền**  (trđ) | **Phân bổ, sử dụng** | | | **Tồn hàng** |
| Cứu trợ tại địa hương | Chuyển cho các tỉnh khác | Tổng số đã phân bổ |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 2f: KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHONG TRÀO “ĐOÀN KẾT, SÁNG TẠO”**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tham mưu, phối hợp triển khai phong trào** | | | | **Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để triển khai Phong trào**  *(Đơn vị tính: Trđ)* | **Số mô hình về  Phong trào** | **Ghi chú** |
| Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo của cấp ủy về Phong trào  *(tên văn bản)* | Tham mưu văn bản của Ban Thường trực về triển khai Phong trào  *(tên văn bản)* | Thành lập Hội đồng thẩm định; tổ chức xét sáng kiến, ý tưởng mới | Có đánh giá sơ kết 3 năm triển khai phong trào “Đoàn kết sáng tạo” |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ........**

**PHỤ LỤC 3**

**Tuyên truyền, vận động ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19** (gồm 02 biểu mẫu)

**Phụ lục 3a. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công tác chỉ đạo, triển khai** | | | **Công tác tuyên truyền** | | |
| **Số lượng văn bản ban hành**  *(Đơn vị tính: số lượng văn bản)* | **Hình thức vận động ủng hộ  phòng, chống dịch (1)** | | **Tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của Mặt trận**  *(Đơn vị tính: số lượng tin, bài)* | **Tờ rơi**  *(Đơn vị tính: số lượng tờ rơi)* | **Các hình thức tuyên truyền sáng tạo ở địa phương** |
| Tổ chức  lễ phát động | Triển khai  bằng văn bản |
|  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Tại mục (1), về nội dung “hình thức vận động ủng hộ phòng, chống dịch”, đề nghị tích dấu “X” vào ô lựa chọn.*

**Phụ lục 3b. CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN ỦNG HỘ VÀ PHÂN BỔ**

*\* Nội dung vận động, tiếp nhận*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đã tiếp nhận ủng hộ bằng tiền, hiện vật** | | |
| **Đã tiếp nhận tiền (cả tiền mặt và chuyển khoản)**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | **Đã tiếp nhận hiện vật** | |
| Đã tiếp nhận hiện vật | Hiện vật quy ra tiền |
|  |  |  |

*\* Nội dung phân bổ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số tiền đã phân bổ**  *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)* | | | | **Hàng hóa đã phân bổ** | | **Hàng chưa phân bổ** | |
| Tại địa phương | Chuyển về TW | Chuyển địa phương khác | Chưa phân bổ | Hàng đã phân bổ | Quy ra tiền | Hàng hóa | Quy ra tiền |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ........**

**PHỤ LỤC 4**

**Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước năm 2021** *(gồm 5 biểu mẫu)*

**Phụ lục 4a: BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIÁM SÁT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | | | | | **Tổng số** |
| **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Tham gia giám sát** | **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Tham gia giám sát** | **Nghiên cứu, xem xét văn bản** | **Thành lập đoàn giám sát** | **Giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân** | | **Giám sát thông qua hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng** | | **Tham gia giám sát** |
| Tổng số cuộc | Giá trị thu hồi (tiền, hiện vật) | Tổng số cuộc | Giá trị thu hồi (tiền, hiện vật) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu ước đến 31/12/2021; Giá trị thu hồi ghi rõ số tiền thu hồi hoặc hiện vật gì.*

**Phụ lục 4b: BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | **Tổng số** |
| **Tổ chức hội nghị phản biện**  (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện**  (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) | **Tổ chức hội nghị phản biện** (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện** (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) | **Tổ chức hội nghị phản biện** (số cuộc) | **Gửi dự thảo văn bản phản biện** (số cuộc) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp** (số cuộc) |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu ước đến 31/12/2021*

**Phụ lục 4c: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU GÓP Ý XÂY DỰNG ĐẢNG, NHÀ NƯỚC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp tỉnh** | | | **Cấp huyện** | | | **Cấp xã** | | | **Tổng số** |
| **Góp ý các văn bản QPPL** (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân** (số cuộc) | **Góp ý các văn bản QPPL** (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân**  (số cuộc) | **Góp ý các văn bản QPPL**  (số cuộc) | **Góp ý dự thảo các chương trình, đề án và các văn bản khác của cấp ủy, chính quyền cùng cấp** (số văn bản) | **Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân** (số cuộc) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu ước đến 31/12/2021*

**Phụ lục 4d: BIỂU MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỔNG SỐ HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN** | **TỔNG SỐ NGƯỜI THAM DỰ** | **THÀNH LẬP CÁC MÔ HÌNH** | | | **GHI CHÚ** |
|
| **NHÓM NÒNG CỐT** | **CÂU LẠC BỘ PHÁP LUẬT** | **MÔ HÌNH KHÁC** |
| (tổng số thành lập ) | (tổng số thành lập ) | (tổng số thành lập và ghi rõ tên mô hình) |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu ước đến 31/12/2021*

**Phụ lục 4e: BIỂU MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỔNG SỐ TỔ HÒA GIẢI** | **TỔNG SỐ HÒA GIẢI VIÊN** | **HÒA GIẢI VIÊN LÀ CÁN BỘ MẶT TRẬN** | **TỔNG SỐ VỤ VIỆC HÒA GIẢI** | **HÒAGIẢI THÀNH** | **ĐẠT  TỶ LỆ %** |
|  |  |  |  |  |  |

*\* Ghi chú: Số liệu ước đến 31/12/2021*

**Phụ lục 4d: BIỂU MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN; XỬ LÝ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Số lượt công dân được tiếp** | **Tổng số đơn đã tiếp nhận** | **Số đơn không đủ điều kiện xử lý (%)** | **Số đơn đủ điều kiện xử lý  (% )** | **Các loại văn bản xử lý đơn đã phát hành** | | | | **Số văn bản phúc đáp của các cơ quan, tổ chức** | **Số vụ việc tổ chức giám sát (nếu có)** | **Ghi chú** |
| **Văn bản hướng dẫn** | **Văn bản chuyển đơn** | **Văn bản đôn đốc, kiến nghị** | **Tổng số văn bản phát hành** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ........**

**PHỤ LỤC 5**

**Hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Mặt trận năm 2021** *(gồm 01 biểu mẫu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công tác phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, thành viên MTTQ Việt Nam cấp tỉnh** | | | **Việc xây dựng và phát huy lực lượng tư vấn của Mặt trận** | | | | | | **Công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ Mặt trận** | |
| Tổng số các chương trình phối hợp đang triển khai (cấp tỉnh)  *(Số lượng: bao gồm cả kế hoạch, quy chế, chương trình..)* | Số chương trình được ký kết mới  *(số lượng)* | Số chương trình phối hợp được đánh giá có hiệu quả tốt *(số lượng/ tỷ lệ %)* | *Cấp tỉnh* | | *Cấp huyện* | | *Cấp xã* | | Tổng số lớp của cả ba cấp  *(số lớp)* | Số lượng cán bộ Mặt trận được tập huấn  *(số lượt người)* |
| *Số Hội đồng tư vấn* | *Số thành viên* | *Số huyện có Ban tư vấn/tỷ lệ %* | *Tổng số thành viên* | *Số xã có tổ tư vấn/ tỷ lệ %/* | *Tổng số thành viên* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |